TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG NGUYÊN** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 27/2022/HNGĐ-ST Ngày: 30 - 9 - 2022 V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG NGUYÊN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phan Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Nghĩa Toàn và ông Trần Văn Hải

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Cao Trà My, Thư ký Toà án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An*:** Bà Nguyễn Thị Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 73/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 20212; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh TVT, sinh năm: 1986. Nơi đăng ký HKTT: Xóm X, xã H, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Bị đơn*: Chị PTN, sinh năm: 1987. Nơi đăng ký HKTT: Xóm X, xã H, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn ngày 24 tháng 3 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn anh TVT trình bày: Anh và chị PTN đăng ký kết hôn vào ngày 11/5/2011 tại UBND xã K, huyện C tỉnh Nghệ An trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Ngàn không biết nội trợ trong gia đình, nhiều lần anh T góp ý thì tự bồng con bỏ về nhà ngoại. Năm 2019 chị N đi làm

việc ở Đồng Nai, thỉnh thoảng mới về nhà thăm chồng con. Từ đó tình cảm vợ chồng không còn được bền vững và vợ chồng sống ly thân từ tháng 1/2022 cho đến nay. Xác định tình cảm không còn nên anh xin được ly hôn với chị PTN. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là TVD, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2012. Kể từ khi chị N đi làm ăn xa (năm 2019 cho đến nay) thì con chung ở với anh T nên khi vợ chồng ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng con chung cho đến khi con thành niên, đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị PTN cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và các khoản nợ*:* Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh TVT giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị PTN: Vắng mặt tại địa phương nên không có lời khai.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn, không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho anh TVT được ly hôn chị PTN. Về con chung: Giao con chung tên là TVD, sinh ngày 19 tháng 5 năm 2012 cho anh TVT trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị PTN. Về án phí: Buộc anh TVT phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con chung". Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã H, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý, tiến hành triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị PTN nhưng chị N không có mặt tại Tòa án để làm việc. Đây là lần thứ hai chị N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An tiến hành xét xử vắng mặt chị Ngàn là đúng quy định pháp luật.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh TVT và chị PTN đăng ký kết hôn ngày 11/5/2011 tại UBND xã K, huyện C, tỉnh Nghệ An không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn được quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 1/2022 cho đến nay.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh TVT được ly hôn chị PTN.

[3]. *Về con chung*:

Xét yêu cầu xin được nuôi con chung của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ năm 2019 cho đến nay chị PTN đi làm ăn ở Đồng Nai, để con chung là TVD lại cho anh T nuôi và hiện tại cháu D vẫn được bố chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ. Bản thân cháu TVD cũng có nguyện vọng được ở với bố. Nên cần chấp nhận yêu cầu của anh T, giao con chung là TVD cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị PTN.

[4]. *Tài sản và các khoản nợ*: Anh TVT không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[5].*Về án phí*: Anh TVT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự

năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho anh TVT được ly hôn chị PTN.

2. *Về con chung*: Giao con chung tên là TVD; sinh ngày 19 tháng 5 năm 2012 cho anh TVT trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị PTN.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung thì các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Anh TVT phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà anh T đã nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Hưng Nguyên theo biên lai thu tiền số 0011706 ngày 06 tháng 7 năm 2022. Anh T đã nộp đủ.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Hưng Nguyên;
- THADS huyện Hưng Nguyên
- Đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phan Hương